

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 13 tháng 05 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Tin

## 2. Ông Lương Ngọc Biên

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ **Bi đơn:** Anh Trịnh Đình H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.  
(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:** Chị và anh H lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng chị có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND thị trấn T (nay là T), huyện Yên Dũng ngày 03/11/2011, sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng ở tại Tổ dân phố L 2, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc,

mâu thuẫn phát sinh bắt đầu từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vì con chị cố gắng vun đắp hạnh phúc, để cuộc sống vợ chồng được vui vẻ, nhưng chị càng cố gắng thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị thuê nhà ở tại số 4, đường X, phường Tr, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, còn anh H vẫn chung sống cùng với bố mẹ anh H. Từ khi ly thân đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được vì giữa chị và anh H không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H càng sớm càng tốt để chị còn ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Trịnh Nhật M, sinh 04/9/2012. Hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian chung sống với gia đình nhà chồng chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng, chị không có yêu cầu gì.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

\* *Tại biên bản lấy lời khai cháu Trịnh Nhật M trình bày:* Cháu là Trịnh Nhật M, sinh 04/9/2012, năm nay cháu học lớp 3E trường tiểu học T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị A, bố Trịnh Đình H. Hiện tại cháu đang ở với mẹ, tại Số 4, đường X, phường Tr, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trường hợp bố mẹ cháu không cùng chung sống với nhau, nguyện vọng của cháu là được muốn ở với mẹ. Mẹ cháu đảm bảo cuộc sống cho cháu được đầy đủ và cháu được học hành đến nơi đến chốn.

**\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh đối với Hội phụ nữ và tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị A có kết hôn với anh Trịnh Đình H, sau khi kết hôn địa phương có thấy chị Nguyễn Thị A sinh sống tại gia đình anh H cùng với bố mẹ anh H. Cuộc sống vợ chồng anh H, chị A có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ vì trong cuộc sống hàng ngày không thấy anh H, chị A đánh, cãi chửi nhau. Từ năm 2018 đến nay địa phương không thấy chị Anh sinh sống cùng với anh H. Nay chị A có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị A và anh H có một con chung là cháu Trịnh Nhật M, địa phương thấy thỉnh thoảng cháu M có ở cùng với anh H, nhưng chủ yếu là sống

với chị A. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị A và anh H, về nuôi con chung của chị A và anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh đối với trường tiểu học thị trấn T cung cấp như sau: Học sinh Trịnh Nhật M, sinh ngày 04/9/2012 đang học tại lớp 3<sup>E</sup>, trường tiểu học thị trấn T, là một học sinh ngoan ngoãn, hoạt bát, nhanh nhẹn, sống hòa đồng với các bạn trong lớp, học lực kỳ một đạt loại khá, tích cực tham gia vào các hoạt động của lớp và của trường.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ tố tụng khác cho anh H theo quy định pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án để cung cấp quan điểm, bản tự khai và hòa giải.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải được.

- Ngày 05/5/2020 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Trịnh Đình H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

- Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là anh Trịnh Đình H đã được triệu tập họp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trịnh Đình H; Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trịnh Nhật M, sinh 04/9/2012; Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trịnh Đình H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng

mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Trịnh Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là T), huyện Yên Dũng và được Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là T) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị A và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Sau khi kết hôn chị A về chung sống cùng với gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nhưng vì con còn nhỏ chị A cố gắng vun đắp hạnh phúc, để cuộc sống vợ chồng được vui vẻ, nhưng chị A càng cố gắng thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh H trầm trọng chị A đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc, đề nghị được ly hôn anh H. Đối với anh H, Tòa án đã giao thông báo thụ lý, thông báo hòa giải anh H nhận các giấy tờ của Tòa án nhưng anh H không đến Tòa án để viết bản tự khai, để tham gia các buổi hòa giải và cũng không có mặt tại các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương nơi anh H, chị A chung sống thì địa phương cung cấp chị A không chung sống cùng với anh H từ năm 2018 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh H có 01 con chung là cháu Trịnh Nhật M, sinh 04/9/2012, hiện cháu M đang sống cùng chị A. Khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với chị A khi chị A và anh H ly hôn. Để cháu M có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về mặt tâm sinh lý và theo nguyện vọng của cháu M, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Vì lợi ích của con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trịnh Đình H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Nhật M, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị A không yêu cầu.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0000033 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND thị trấn Tân An;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Hảo**